

KẾ HOẠCH
Triển khai Quy chế dân chủ ở thôn, làng năm 2022

Căn cứ Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn,

UBND xã Song An xây dựng Kế hoạch triển khai Quy chế dân chủ ở thôn, làng năm 2022 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” góp phần xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền với Nhân dân.

Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng - an ninh đề ra trong năm 2022 của địa phương.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	46
2	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	400
3	Tổng SLLT có hạt	Tấn	1.030
4	Đàn trâu	Con	24
	Đàn bò	Con	1.690
	Tỷ lệ bò lai	%	92
5	Tổng thu ngân sách xã	Triệu đồng	5.178
	Thu ngân sách trên địa bàn xã	Triệu đồng	834
6	Chi ngân sách	Triệu đồng	5.178
7	Thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	Tiêu chí	Xã đạt nông thôn mới nâng cao
8	Thực hiện các tiêu chí làng nông thôn mới theo Quyết định 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai	Tiêu chí	Làng đạt chuẩn làng nông thôn mới
9	Số học sinh các trường trên địa bàn	Học sinh	942

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
	Mẫu giáo	Cháu	164
	Tiểu học	Học sinh	445
	Trung học cơ sở	Học sinh	333
10	Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học	%	>98
11	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	100
12	Tỷ lệ học sinh THCS lên lớp	%	98
13	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	100
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	98
15	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	97,52
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65,26
17	Dân số trung bình	Người	4.364
18	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,9
	Trong đó: tăng tự nhiên	%	0,86
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	17
20	Tỷ lệ hộ đạt danh hiệu GĐVH	%	85
21	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới)	%	3,01
22	Giao quân đạt chỉ tiêu cấp trên giao	%	100

2. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022

-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	834.000.000	đồng
+	Thu ngân sách trên địa bàn xã (phân cấp)	453.000.000	đồng
+	Thu ngân sách thị xã (phân cấp)	381.000.000	đồng
-	Tổng thu ngân sách xã năm 2022	5.178.000.000	đồng
+	Thu điều tiết ngân sách	453.000.000	đồng
+	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4.725.000.000	đồng
+	Thu trợ cấp cân đối	3.585.000.000	đồng
+	Thu trợ cấp có mục tiêu.	1.140.000.000	đồng
-	Phân bổ chi ngân sách xã năm 2022	5.178.000.000	đồng
+	Chi thường xuyên	3.957.000.000	đồng
+	Chi có mục tiêu	1.140.000.000	đồng

+	Chi dự phòng	81.000.000	đồng
---	--------------	------------	------

3. Các công trình dự kiến đầu tư năm 2022

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đồng tư dự kiến (triệu đồng)
1	Đường Đinh Ghib đi khu quy hoạch giáp đường BTXM	145
2	Đường từ nhà Trần Bình Trọng đi nhà Trịnh Ngọc Lạc	155
3	Đường từ nhà Huỳnh Tấn Hải đi đến cạnh trường	450
4	Đường từ giáp đường BTXM đi nhà Trần Văn Quang	56
5	Đường từ nhà Võ Lân đi nhà Nguyễn Lắm	69
6	Đường từ nhà Nguyễn Văn Mạnh đi nhà Trịnh Văn Chuyên	195
7	Sửa chữa các đường bị hư hỏng	500
8	Từ nhà Trần Văn Định đi nhà Phan Văn Dũng	105
9	Đường từ nhà Phan Thanh Kiếm đi nhà ông Phan Thanh Chung	60
10	Đường nội đồng đi đập suối Tôm	600
11	Công trình kênh mương suối Tôm	500
12	Nâng cấp bàu Chuyên	250
13	Bàu Hạp	186
14	Sửa chữa trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBMD xã	500
15	Đường từ nhà Huỳnh Văn Xuân đi nhà Dương Thị Hồng	352,90
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Sanh đi hết đường	120
17	Đường từ nhà ông Trần Mãi đi nhà ông Trần Văn Phương	88,8

18	Đường từ nhà Trần Văn Tư đi nhà Huỳnh Trọng Khương	41,6
19	Đường từ nhà Đinh Tấn Lực đi nhà ông Nguyễn Tiến Phác	70,3
20	Đường đi khu sản xuất Gò Kho	387,11
21	Kênh mương đập Đất Khách	235,5
22	Công trình Đập Bụng	400
23	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã	1.000
	Tổng cộng	6.449,21

4. Các khoản huy động trong Nhân dân đóng góp năm 2022

- Quỹ vì người nghèo: 20.000 đồng/hộ/năm.
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 20.000 đồng/hộ/năm.
- Quỹ người cao tuổi: 20.000 đồng/hộ/năm.
- Quỹ Phòng chống thiên tai: thu năm 2022¹

¹ Đối tượng thu và mức thu:

- + Đối với công dân Việt Nam: Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 60 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 55 tuổi
- + Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp Nhà nước đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản (mức lương cơ sở nhân hệ số lương cộng phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung nếu có) sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;
- + Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng;
- + Người lao động khác, trừ các đối tượng trên đây, đóng góp 15.000 đồng/người/năm.
- + Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.
- * Đối tượng được miễn đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai:
 - + Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh.
 - + Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ.
 - + Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;
 - + Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề.
 - + Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.
 - + Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.
 - + Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

5. Truy thu các khoản đóng góp làm đường bê tông xi măng và Nhà văn hóa thôn của các hộ dân còn nợ từ các năm trước đây (có danh sách trong sổ bộ của từng thôn).

6. Thu nợ đóng góp của Nhân dân về các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ các năm trước đây.

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, giảm nghèo xoá đói, giảm nghèo và vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội cho người nghèo để phát triển sản xuất kinh doanh và cho học sinh, sinh viên:

- Chương trình cho vay hộ nghèo:

Đối tượng: Hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 – 2025.

Thời hạn cho vay tối đa: 10 năm.

Lãi suất: 6,6%/năm.

Mức cho vay tối đa: 100 triệu đồng /hộ.

- Chương trình cho vay hộ cận nghèo:

Đối tượng: Hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 – 2025.

Thời hạn cho vay tối đa: 10 năm.

Lãi suất: 7,92%/năm.

Mức cho vay tối đa: 100 triệu đồng /hộ.

- Chương trình cho vay học sinh, sinh viên:

Đối tượng: Học sinh, sinh viên mồ côi; hộ nghèo, hộ có thu nhập bằng 150% hộ nghèo, hộ gặp khó khăn về tài chính.

Thời hạn cho vay tối đa: gồm thời gian phát tiền vay + 12 tháng + thời gian trả nợ.

Lãi suất: 6,6%/năm.

Mức cho vay tối đa: 2,5 triệu đồng/tháng /sinh viên.

- Chương trình cho vay giải quyết việc làm:

Đối tượng: Người lao động.

Thời hạn cho vay tối đa: 5 năm.

Lãi suất: 7,92%/năm.

Mức cho vay tối đa: 100 triệu đồng /hộ.

- Chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở:

Đối tượng: Hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 – 2025 có khó khăn về nhà ở.

Thời hạn cho vay tối đa: 15 năm.

Lãi suất: 3%/năm.

Mức cho vay tối đa: 25 triệu đồng /hộ.

- Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường:

Đối tượng: Hộ gia đình chưa có công trình nước sạch vệ sinh môi trường hoặc có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Thời hạn cho vay tối đa: 5 năm.

Lãi suất: 9%/năm.

Mức cho vay tối đa: 10 triệu đồng/công trình.

IV. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ:

Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã 173 thủ tục hành chính, được niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của xã.

- Thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thường xuyên giải quyết liên quan trực tiếp đến Nhân dân:

+ Lĩnh vực hộ tịch: Đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai).

+ Lĩnh vực chứng thực: thực hiện theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Lĩnh vực đăng ký khai sinh, kết hôn: thực hiện theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Gia Lai.

V. HÌNH THỨC TRIỂN KHAI

Áp dụng đồng thời các hình thức:

+ Niêm yết tại bảng tin của UBND xã.

+ Niêm yết tại Nhà Văn hóa các thôn, làng.

+ Công khai trên Đài truyền thanh của xã.

+ Công khai thông qua Trưởng các thôn, làng để thông báo đến Nhân dân.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Bà Lương Thị Định, công chức Văn phòng - Thống kê niêm yết Kế hoạch tại bảng tin UBND xã.

2. Bà Phạm Thị Thuý Hồng, công chức Văn hoá-Xã hội thông báo trên Đài truyền thanh xã các nội dung tại phần II của Kế hoạch này.

3. Trưởng các thôn, làng niêm yết Kế hoạch tại nhà Văn hóa thôn, làng; thông báo cho Nhân dân các nội dung tại phần II của Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quy chế dân chủ ở thôn, làng năm 2022. UBND xã Song An đề nghị các công chức, Trưởng các thôn, làng triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các tổ chức đoàn thể xã;
- Bí thư chi bộ;
- Trưởng các thôn, làng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Khưu Doãn Huân